

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 12/11/2023

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Cao Tuấn Anh	Nam	19/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	9.0	2147/QĐ550/2023	TH006625	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	12/02/1982	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2148/QĐ550/2023	TH006626	
3	Thái Thị Tú Anh	Nữ	13/9/1977	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	2149/QĐ550/2023	TH006627	
4	Phan Thị Quyết Anh	Nữ	11/10/1979	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2150/QĐ550/2023	TH006628	
5	Nguyễn Xuân Cường	Nam	20/02/1986	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2151/QĐ550/2023	TH006629	
6	Vũ Thị Kiều Giang	Nữ	04/9/1990	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	2152/QĐ550/2023	TH006630	
7	Trần Xuân Hiền	Nam	15/02/1973	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	2153/QĐ550/2023	TH006631	
8	Phan Thị Huế	Nữ	17/9/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	2154/QĐ550/2023	TH006632	
9	Trần Quang Huy	Nam	14/12/1978	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2155/QĐ550/2023	TH006633	
10	Nguyễn Diệu Huyền	Nữ	25/5/1991	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	2156/QĐ550/2023	TH006634	
11	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	28/02/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	2157/QĐ550/2023	TH006635	
12	Nguyễn Thị Hương Loan	Nữ	15/10/1978	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	2158/QĐ550/2023	TH006636	
13	Lê Thị Lua	Nữ	18/01/1990	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	2159/QĐ550/2023	TH006637	
14	Nguyễn Thị Na	Nữ	03/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	7.0	2160/QĐ550/2023	TH006638	
15	Cao Thị Nga	Nữ	02/01/1982	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2161/QĐ550/2023	TH006639	
16	Võ Thị Nga	Nữ	17/05/1980	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	2162/QĐ550/2023	TH006640	
17	Lê Thị Nga	Nữ	05/10/1996	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	2163/QĐ550/2023	TH006641	
18	Cao Thị Huyền Nga	Nữ	01/9/1980	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	2164/QĐ550/2023	TH006642	
19	Lô Thị Nguyệt	Nữ	01/7/1997	Nghệ An	Thái	5.0	6.0	2165/QĐ550/2023	TH006643	
20	Nguyễn Thị Nhuận	Nữ	27/10/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	2166/QĐ550/2023	TH006644	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
21	Hà Thị Hồng Nhung	Nữ	25/4/1995	Nghệ An	Thái	6.3	9.0	2167/QĐ550/2023	TH006645	
22	Trần Thị Nuôi	Nữ	17/10/1979	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	2168/QĐ550/2023	TH006646	
23	Lê Hữu Tâm	Nam	18/8/1997	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	2169/QĐ550/2023	TH006647	
24	Hồ Thị Thắm	Nữ	08/4/1983	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	2170/QĐ550/2023	TH006648	
25	Phạm Tiến Thành	Nữ	01/8/1991	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	2171/QĐ550/2023	TH006649	
26	Vi Văn Thời	Nam	24/01/2001	Nghệ An	Thái	5.7	6.0	2172/QĐ550/2023	TH006650	
27	Phan Thị Thương	Nữ	09/3/1981	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	2173/QĐ550/2023	TH006651	
28	Hà Thị Tuyền	Nữ	15/02/1989	Nghệ An	Kinh	5.0	7.0	2174/QĐ550/2023	TH006652	
29	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	06/6/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	2175/QĐ550/2023	TH006653	
30	Hà Lê Thục Uyên	Nữ	14/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	8.5	2176/QĐ550/2023	TH006654	
31	Phan Thị Hồng Vân	Nữ	15/9/1985	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	2177/QĐ550/2023	TH006655	
32	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	24/02/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	2178/QĐ550/2023	TH006656	

